TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2019/DS-ST
Ngày 29 tháng 10 năm 2019
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI,TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Thanh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Võ Lâm Sơn;
2. Ông Võ Thanh Nhàn.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Lê Hồng Duyên, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang*** **tham gia phiên tòa:** Không tham gia.

Trong ngày 29 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 286/2019/TLST-DS ngày 28.6.2019 về tranh chấp: "hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 430/2019/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Lê Nhựt T**, sinh năm 1975.

Cư trú: ấp 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang.

Đại diện theo ủy quyền của ông T có bà **Lê Thị C**, sinh năm 1962. (có mặt).

Cư trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1966. (vắng mặt).

Cư trú: ấp L, xã L , huyện C, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà **Đặng Thị N**, sinh năm 1967. (có mặt).

Cư trú: ấp L, xã L , huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn đại diện theo ủy quyền bà Lê Thị C trình bày ông Nguyễn Nhựt T năm 2017 có cho ông Nguyễn Văn C và bà Đặng Thị N vay số tiền 41.000.000đồng, khi vay có làm biên nhận do ông C ký tên, mục đích vay chi phí sinh hoạt trong gia đình hứa 06 tháng sẽ trả lãi suất 6%/tháng ông C có đóng lãi cho ông T được 02 tháng là 4.800.000đồng, ông T đến đòi lại nhiều lần nhưng ông C hứa không trả. Do bà N và ông C là vợ chồng nên yêu cầu bà N và ông C trả số tiền 41.000.000đồng, yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 29.5.2017 cho đến khi xét xử.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị N trình bày bà và ông Nguyễn Văn C là vợ chồng, khi ông C vay bà không biết và cũng không có ký tên nay yêu cầu bà N cũng ông C trả tiền bà không đồng ý, vì việc ông C vay với ông T bà không biết, không nhận tiền, không vay của ông C. Ông C vay ông T, ông C có nghĩa vụ trả cho ông T.

Bị đơn ông Nguyễn Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T vắng mặt không rõ lý do. Nên Tòa án không ghi nhận ý kiến của ông T về nội dung đơn khởi kiện của ông C và bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn C đã được tống đạt các Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng hôm nay ông C vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông C là đúng theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn: ông C. Ông C có nơi cư trú tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại các Điều 26, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy, qua lời khai của đương sự thể hiện bằng các biên nhận nợ. Tòa án xác định giữa ông T và ông C có xác lập hợp đồng vay với tổng số tiền 41.000.000đồng. Xét thấy hợp đồng vay tài sản có bảo đảm được xác lập giữa ông T và ông C là hoàn toàn tự nguyện không trái với đạo đức xã hội phù hợp với Điều 463 Bộ luật dân sự. Tại phiên Tòa hôm nay bà Chung đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần tính lãi suất và bà N không yêu cầu khấu trừ đối với

phần tiền lãi mà ông C đã đóng cho ông T. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự, không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử nghỉ nên chấp nhận. Do ông C, bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận nên ông C, bà N phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền trên cho ông T. Ông C là người trực tiếp vay của ông T nhưng do bà N là vợ trong thời kỳ hôn nhân đang tồn tại được quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T là phù hợp được quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện do ông T rút lại yêu cầu đối với phần tính lãi suất.

- Buộc ông C và bà N có nghĩa vụ liên đới trả cho ông T số tiền 41.000.000 (bốn mươi một triệu) đồng.

[3] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 27 Luật hôn nhân gia đình;

- Các Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự;

- Các Điều 26, 35, 126, 146, 147, 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Nhựt T.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện do ông T rút lại yêu cầu đối với phần tính lãi suất.

3. Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Đặng Thị Thu N có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lê Nhựt T số tiền 41.000.000đ (bốn mươi một triệu) đồng.

4. Về án phí: ông Nguyễn Văn C và bà Đặng Thị Thu N liên đới chịu án phí 2.050.000đ (hai triệu, không trăm năm mươi nghìn ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Ông Lê Nhựt T không phải chịu án phí hoàn trả số tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp là 1.025.000đ (một triệu, không trăm hai mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0013252 ngày 28.6.2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quang Thanh